

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 19/08/2021

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 96

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Phần sau cùng của tiết học trước, tôi đã giảng đến năm điều khó, năm điều khó này là: Điều khó thứ nhất, Như Lai xuất hiện ở đời khó gặp, khó thấy; điều khó thứ hai, kinh đạo của chư Phật khó được, khó được nghe; điều khó thứ ba, khó gặp được thiện tri thức; điều khó thứ tư, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó; điều khó thứ năm, nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó.

Tiết học này, trước hết tôi nói trọng điểm về điều khó thứ ba: khó gặp được thiện tri thức.

Viên Giác Kinh Đại Sớ nói: “Khéo hiểu chân, biết vọng”. Biết được chân, nhận thức được vọng, “biết bệnh rành thuốc” thì gọi là thiện tri thức. Có thể phân biệt rõ ràng chân-vọng, thông đạt chân tế, biết căn cơ của chúng sanh, bệnh nằm ở đâu, rồi cho họ thuốc thì gọi là thiện tri thức.

An Lạc Tập căn cứ vào lời trong kinh Pháp Cú nói: “Thiện tri thức có thể thuyết các pháp sâu xa”. Thiện tri thức có thể nói các pháp rất sâu, “đó là: không, vô tướng, vô nguyện, các pháp bình đẳng, vô nghiệp, vô báo, vô nhân, vô quả, rốt ráo như như, trụ trong thật tế”. Tất cả những điều này đều là bản thể, “nhưng trong ‘rốt ráo không’ lại rỗng rành lập ra hết thấy pháp thì gọi là thiện tri thức”. Định nghĩa này về “thiện tri thức” rất rõ ràng, như lửa mạnh hừng hực, rỗng rành nơi “rốt ráo không” mà lập ra hết thấy pháp.

Đại sư Vĩnh Minh nói: “Kiến lập đạo tràng trắng trong nước, làm Phật sự lớn ở trong mộng”. “Thiện tri thức là cha mẹ các ông, vì dưỡng dục thân Bồ-đề của các ông”, dưỡng dục các ông, bồi dưỡng thân Bồ-đề của các ông. “Thiện tri thức là trông mắt của các ông”, là mắt của các ông, khiến các ông nhìn thấy tất cả các con

đường thiện ác rõ ràng. “Thiện tri thức là thuyền lớn của các ông”, đưa các ông ra khỏi biển khổ sanh tử. “Thiện tri thức là dây cương của các ông”, có thể kéo các ông ra khỏi sanh tử.

Sau cùng kinh Pháp Cú còn nói: “Hết thầy chúng sanh muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên thân cận thiện tri thức, thưa hỏi pháp yếu”. Đây là nói về tầm quan trọng của việc gặp được thiện tri thức.

Muốn chứng Bồ-đề thì nên cầu bạn lành, cầu như thế nào? Đoạn khai thị của kinh Viên Giác là hay nhất: “Chúng sanh đời Mạt toan phát đại tâm, cầu thiện tri thức, hòng tu hành thì nên cầu người có chánh tri kiến đối với hết thầy, tâm chẳng trụ tướng, chẳng đắm trong cảnh giới Thanh văn, Duyên giác, không chấp trước cảnh giới của Nhị thừa. Họ tuy hiện trong trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh; thị hiện có các lầm lỗi, nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng khiến cho chúng sanh làm điều trái với luật nghi.” Họ không khiến cho chúng sanh phạm giới, người chủ trương phá giới thì không phải là thiện tri thức. Tuy họ có sai lầm, nhưng họ chủ trương chánh tri, chánh kiến. “Cầu người như vậy thì sẽ thành tựu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Điều kiện này không hề thấp. Họ phải biết bạn có chánh tri chánh kiến hay không, trình độ của bạn ra sao, ít nhất họ phải biết thế nào là chánh tri chánh kiến, họ còn có thể phát hiện người này có khuyết điểm gì, đây là căn cơ đặc biệt.

Đại sư Khuê Phong nói trong Viên Giác Kinh Đại Sớ rằng: “Khéo thông đạt giác tánh, chẳng do tu mà sanh, quyết trạch vô nghi thì gọi là chánh tri kiến.” “Giác tánh” chính là tánh giác diệu minh, tánh giác chính là cái giác của bốn tánh, là diệu minh (quang minh vi diệu). Khéo thông đạt giác tánh mà bản thân vốn có. Đó là thứ bạn vốn có, chẳng đến từ bên ngoài. Đây là “chỗ tu hành chẳng đạt đến nổi”, tức là chỗ mà các kiểu tu hành chẳng thể đạt đến được. Nhưng sau khi đạt “vô tâm tam-muội” thì chợt sờ đến, chạm vào, chẳng phải là chỗ mà tu hành có thể trực tiếp đạt đến được, cho nên gọi là “chẳng do tu mà sanh”. Thế nhưng thật sự là cũng phải tu, tu đức có công thì tánh đức mới hiển lộ. Tuy chẳng phải do tu mà sanh ra, nhưng vẫn chẳng thể lìa khỏi sự tu hành. “Quyết trạch” là phân biệt các loại pháp, cái nào là lớn nhỏ, cái nào là chánh tà, cho nên họ “có thể khéo phân biệt các pháp tướng”. “Vô nghi” chính là “không dao động khỏi Đệ Nhất Nghĩa”, đây là hai câu của Hoa Nghiêm. Tuy chẳng dao động khỏi Đệ Nhất Nghĩa, nhưng vẫn có thể khéo phân biệt các pháp tướng, quyết trạch vô nghi, đây gọi là “chánh tri kiến”.

Kinh Viên Giác nói: Thời mạt pháp, phải cầu người có chánh tri kiến, tâm chẳng trụ tướng. Đại Sớ nói: Tâm chẳng trụ tướng là lìa khỏi cảnh giới phiền não của phàm phu. “Nếu còn bận tâm đến một chút pháp thì đều gọi là trụ tướng”, nếu vẫn còn một chút pháp nhỏ nhoi trong tình kiến, thì tình trạng này chính là có phân biệt. Cho nên nói: Đừng kết bạn với vạn pháp, nếu có dính mắc với một chút pháp thì đều gọi là trụ tướng. “Thậm chí với Bồ-đề, Niết-bàn còn chẳng chấp trước”, muốn nắm lấy Bồ-đề, muốn chứng Niết-bàn, đây là chấp pháp nghiêm trọng. Pháp và ngã đều không được chấp trước, huông hồ là cảnh giới huyễn mộng của thế gian. Vì thế, “chẳng nên trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để sanh tâm; hãy nên không trụ vào đâu mà sanh tâm. Đã được tâm vô trụ thì liền khế hợp với Viên Giác”. Không trụ vào đâu mà sanh tâm thì Bồ-tát Địa thượng mới có thể đương cơ.

Kinh Xung Tán Đại Thừa nói: “Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Chỗ độc đáo đặc biệt thù thắng của Phật pháp Đại thừa là: Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, cũng chẳng phát tâm Nhị thừa, điều này phù hợp với bản tâm của Phật. Nói Hoa Nghiêm, Niết-bàn thì mọi người không hiểu, đành phải nhân nhượng câu toàn, chịu theo căn khí của chúng sanh mà nói một vài pháp của Thanh văn, Duyên giác thì cũng được xem là chánh pháp. Thế nhưng Phật nói đây là hạt giống hư, mầm đã rang chín, nếu bạn dừng lại ở đây thì sẽ phụ tấm lòng của Phật. Cho nên, “thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Theo giới luật của Mật tông, ở trong chúng Thanh văn bảy ngày thì bị xem là phá giới. Vì vậy kinh Viên Giác nói: “Phải tìm người có chánh tri kiến đối với hết thảy, tâm chẳng trụ tướng, không đắm trong cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, tuy hiện trong trần lao nhưng tâm hằng thanh tịnh, thị hiện có các lầm lỗi, nhưng khen ngợi phạm hạnh, chẳng khiến cho chúng sanh làm điều trái với luật nghi”. Đại sư Khuê Phong nói rất hay: “Người hoại kiến, tuy chẳng hoại hạnh, nhưng chẳng thể làm con mắt đạo cho chúng sanh”, họ chẳng thể trở thành con mắt tu đạo cho chúng sanh. “Dẫu hoại hạnh, nhưng kiến giải chẳng sai lầm thì vẫn là ruộng phước chân thật thù thắng cho trời người”. Người thông thường luôn điên đảo ở chỗ này. Pháp ngữ của chư đại đức đều rất có trọng lượng, rất có sức cảm hóa, rất có sức truyền cảm hứng.

Đại Trí Độ nói: “Đối với các bậc sư tôn nên tưởng như Thế Tôn”. Đối với các vị thầy thì nên xem như Phật vậy. “Nếu có người có thể khai hiển, giải thích nghĩa

sâu, cởi mở nghi kết [cho mình]”, bạn có nghi hoặc thì họ tháo gỡ cho bạn, họ có thể tháo gỡ gút mắc này, “thì hãy hết lòng cung kính”, tận hết tấm lòng mà cung kính họ, “chẳng nghĩ đến các điều xấu khác [của họ]”, họ có thói xấu gì thì cũng đừng nghĩ đến. Ví như túi dơ đựng ngọc, bạn không thể vì cái túi dơ mà không cần đến viên ngọc. “Ban đêm đi trên đường hiểm, kẻ tệ hại cầm đuốc”, ban đêm bạn đi trên con đường hiểm, chẳng thể vì người cầm bó đuốc như nhuốc mà không dùng đến bó đuốc của họ để chiếu sáng. Bò-tát cũng như vậy, “nhờ thầy mà được trí tuệ quang minh thì chẳng bận tâm đến thói xấu của thầy”. Thiên tông cũng như vậy, “nếu muốn cầu đạo Vô thượng, thứ nhất chớ nghi ngờ thầy”, bạn chỉ cần hái quả để ăn thì cần gì quan tâm đến nhánh cây là ngang hay dọc. Vì vậy, “cầu người như thế thì thành tựu được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Đại Sớ lại nói: “Chỉ nên khéo thờ minh sư, gặp việc thì minh sư ắt sẽ chỉ dạy”. Chỉ cần bạn có thể khéo phụng sự vị thầy có tuệ nhãn sáng suốt, đến lúc cần thì vị thầy này sẽ chỉ dạy khai thị cho bạn. Giống như Thiện Tài đồng tử ở chỗ đức Văn-thù, khi cơ duyên chín muồi, đức Văn-thù bèn bảo ngài đi thân cận bạn lành, giới thiệu từng người một, mãi cho đến vị thứ 53, tự nhiên sẽ đạt được sự chỉ dạy.

Kinh Pháp Cú có 21 tỉ dụ: Thiện tri thức là cha mẹ, tài bảo, thân mạng v.v. “Thiện tri thức có vô lượng công đức như vậy, nên Ta dạy các ông thân cận họ.” “Đại chúng nghe xong, khởi thân lớn tiếng than khóc, tự nghĩ bản thân trong bao kiếp đến nay, nhờ thiện tri thức bảo hộ”, tự mình nghĩ đến bao nhiêu kiếp đến nay có biết bao thiện tri thức đang bảo hộ mình. Cho nên ngày nay mình mới có thể nhìn thấy Phật, mình đã được lợi ích, nhưng trước giờ chưa từng báo đáp công ơn của thiện tri thức, cũng chẳng tiếp tục đến thân cận họ. Nói xong điều này thì khởi thân than khóc.

Vậy nên, phẩm Phổ Giác của kinh Viên Giác khuyên mọi người: “Chúng sanh thời mạt pháp, nếu muốn tu hành thì phải nên trọn đời cúng dường, phụng sự thiện hữu, phụng sự thiện tri thức”. Khuyên người tu hành đem thân mạng ra cúng dường bậc thiện hữu. Làm thế nào cúng dường cung kính vậy? Trước hết phải y giáo phụng hành. Chẳng phải là món đồ về mặt vật chất, hoặc là sự lễ kính bề ngoài. Thiện tri thức khó cầu, mà bạn gặp được rồi, sự chỉ dạy của thiện tri thức dành cho bạn, nếu bạn chẳng thể tín thọ phụng hành, thì vị lương y này cũng đành bó tay hết cách, thế nên gặp rồi cũng như chưa gặp. Vì vậy, đối với sự giáo hóa của thiện tri thức, hãy

nên nghe rồi có thể tin, tin rồi có thể hành, việc này khó lắm thay, khó lắm thay. Trong kinh nói: “Gặp thiện tri thức, nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó”.

“Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó”. Nếu bạn có thể nghe đến bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ này, rồi rất vui mừng tin nhận thì là việc khó nhất trong các việc khó, không có việc gì khó hơn việc này. Việc khó này chẳng phải là nói pháp môn này khó tu, mà là nói người như vậy, thiện căn phước đức nhân duyên như vậy khó có, khó tìm. Trong các kinh khác, Phật đều nói cả, nhưng thật sự khai bày tỏ rõ pháp môn Tịnh độ dạy người vãng sanh thì chỉ có bộ kinh Vô Lượng Thọ này là toàn diện nhất. Nhân duyên khó gặp, cho nên nói là khó lắm thay.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh, từ tâm thanh tịnh, dũng được hoan hỷ, y mao vi khởi, hoặc lệ xuất giả, giai do tiền thế, tăng tác Phật đạo, có phi phạm nhân. Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi, u Phật kinh ngữ, đô vô sở tín, giai tùng ác đạo trung lai, tức ương vị tận, vị đương độ thoát, cố tâm hồ nghi, bất tín hướng nhĩ.

Nếu có chúng sanh được nghe tiếng Phật hiệu, từ tâm thanh tịnh, hớn hở hoan hỷ, lông tóc dựng đứng, hay mắt rơi lệ, đều do đời trước đã từng hành Phật đạo, nên không phải là người phạm. Nếu nghe Phật hiệu, mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin thì đều là từ ác đạo đi ra, tức ương chưa dứt, chưa được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng nói.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: Nếu có chúng sanh nghe thấy tiếng Phật hiệu, căn cứ theo bản dịch thời Ngô, tiếng Phật hiệu chính là tiếng Phật hiệu A-di-đà Phật. Bởi vì danh hiệu Phật bao gồm vạn đức, chúng sanh nghe danh bèn có thể tiếp nhận, sanh khởi tâm từ bi, tâm thanh tịnh. Thanh tịnh chính là thuần tịnh vô cấu, không có tạp loạn; hoan hỷ chính là trong tâm vui mừng; hớn hở chính là biểu hiện ra nơi thân và miệng; lông tóc dựng đứng chỉ cho lỗ chân lông khắp trên thân thể đều dựng lên; mắt rơi lệ là nước mắt tuôn rơi; từng hành Phật đạo chính là từ trong Phật đạo mà ra. “Phật đạo” là đạo Vô thượng Bồ-đề mà Phật chứng đắc. Việc tu hành trên nhân địa cũng gọi là đạo, có thể đạt được hết thảy vạn hạnh trên quả địa

Phật thì gọi là “Phật đạo”. Nói tóm lại, những chúng sanh này đã từng tu hành, tâm đã từng hướng đến đạo Bồ-đề của Phật, chẳng phải là người phàm. Đời trước họ đều hành Phật đạo, chẳng phải là người thể tục thông thường.

Ngược lại, *“nếu nghe Phật hiệu mà trong lòng hồ nghi, đối với lời kinh Phật đều chẳng tin thì đều là từ ác đạo đi ra, tức vọng chưa dứt, chưa được độ thoát, nên tâm hồ nghi, chẳng thể tin tưởng”*.

Trái lại, nếu có người nghe đến lời kinh, một chút cũng chẳng tin, nghe đến Phật hiệu A-di-đà Phật, trong tâm hồ nghi. Hồ ly là loài vật có tâm nghi cực nặng, qua sông vào mùa đông, con người chỉ cần nhìn thấy dấu chân của hồ ly đi phía trước thì bạn cứ yên tâm mà đi. Bởi vì hồ ly hoài nghi nhất, nó đi vài bước, liền nghe ngóng xem bên dưới có tiếng nước chảy hay không, nếu như an toàn, không có vấn đề gì thì nó mới qua. Nếu con người hồ nghi không tin thì là từ ba đường ác mà đến. *“Tức vọng chưa dứt”*, họa ương, nghiệp chướng trong đời quá khứ vẫn chưa tiêu trừ hết. *“Chưa được độ thoát”*, chưa phải đến lúc được độ thoát, thời tiết nhân duyên vẫn chưa chín muồi, nên trong tâm của bạn hồ nghi, cuồng loạn. Trong kinh Kim Cang nói: “Vào đời mạt pháp sau này, có người thọ trì, đọc tụng kinh này, được nhiều công đức, nếu Ta nói ra đầy đủ, sẽ có kẻ nghe rồi, tâm ắt cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin”. Trong đời sau này, dầu đem rất nhiều thân mạng ra bố thí vẫn không bằng dùng bốn câu kệ của kinh Kim Cang mà nói cho người.

Cho nên pháp môn này càng thù thắng thì người thể gian càng khó tin. Pháp môn Tịnh độ là pháp khó tin trong hết thảy thế gian, pháp khó tin như vậy mà bạn có thể sanh lòng tin thì chứng minh bạn chẳng phải người phàm, mà là người hiếm có trong hết thảy thế gian. Đối với Viên giáo này có thể sanh khởi lòng tin chân thật, tiến thêm một bước có thể sanh ra viên giải, viên giải thì mới có thể viên tu, đây gọi là “viên nhân”. Viên nhân chẳng phải là nói hiện tại đều đầy đủ tất cả tam minh, lục thông, đó đều là chuyện con con bên rìa đạo thánh. Nhưng mọi người luôn có hứng thú với nó, đây đều là sự việc ngoài rìa, con con trong đạo thánh. Mật tông nói: “Quyết định kiến tông”. “Kiến” là việc trước tiên phải giải quyết, sau khi kiến rồi thì mới có tu, có tu thì mới có hành, có hành thì mới có quả. Chữ “kiến” này mọi người phải hết sức chú ý, nó không phải là “ngộ”, cũng không phải là “lý giải”, mà là ở giữa hai cái này. “Kiến” trong Đại Mật tông chính là viên kiến. Niệm Phật thì thành Phật, hoàn toàn nhiếp thọ công đức của Phật làm công đức của chính mình, đây

đều là “viên kiến”. Bạn niệm Phật một ngày như vậy thì bằng với người khác niệm một kiếp, chớ có hoài nghi, có khả năng không chỉ là một kiếp, hoàn toàn là do người đó (người đó chính là mình).

Tôi đã giảng xong phẩm kinh văn này, tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút. Trọng điểm của phẩm kinh văn thứ 45, phẩm kinh văn này có 8 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thích-ca Mâu-ni Phật tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, dùng sức uy thần của ngài đem A-di-đà Phật, cùng y chánh trang nghiêm ở thế giới Tây Phương Cực Lạc của A-di-đà Phật, cùng với chư Phật mười phương, và sự trang nghiêm nơi cõi nước của các ngài, đều bày ra trước mắt đại chúng dự hội, việc này vì sao như vậy? Mắt thấy thì mới là thật, giải trừ nghi hoặc; “việc đáng nên làm thì đều có thể cầu được”.

Trọng điểm thứ hai: Thích-ca Mâu-ni Phật vì sao dặn dò mọi người rằng, sau khi ngài diệt độ, đối với bộ kinh này, đối với pháp môn này không được sanh hoài nghi. Biện pháp giải quyết nghi hoặc là gì vậy? Phật có đại trí tuệ, có năng lực phán đoán trước tình hình, biết rằng chúng sanh thời mạt pháp càng càng khó giáo hóa, đối với bộ kinh này, đối với pháp môn này nhất định sẽ sanh hoài nghi, cho nên đặc biệt dặn dò. Nếu có nghi thì đừng đè nén, hãy đọc kinh, niệm Phật, nghe pháp để giải trừ nghi hoặc, cũng có thể thân cận thiện tri thức để đáp nghi giải hoặc.

Trọng điểm thứ ba: Đại sư Thiện Đạo nói: “Vạn năm Tam bảo diệt, kinh này trụ trăm năm”, bạn đã cảm nhận được giá trị của kinh Vô Lượng Thọ chưa?

Trọng điểm thứ tư: Bạn có biết nội dung cụ thể về năm điều khó mà kinh Vô Lượng Thọ đã nói hay không? Bạn đối với năm điều khó này, bản thân có lĩnh hội gì? Xét xem bản thân bạn đã đột phá được mấy điều khó rồi? Như Lai ra đời khó gặp, khó thấy, là điều khó thứ nhất. Kinh đạo của chư Phật, khó được, khó được nghe, là điều khó thứ hai. Khó gặp được thiện tri thức, là điều khó thứ ba. Nghe pháp xong có thể tu hành, điều ấy cũng là khó, là điều khó thứ tư. Nếu nghe kinh này rồi tin ưa, thọ trì thì là việc khó nhất trong các việc khó, là điều khó thứ năm.

Trọng điểm thứ năm: “Thà ở địa ngục trăm ngàn kiếp, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa”. Bạn nhận thức hàm nghĩa sâu sắc của câu nói này như thế nào? “Hạt giống hư, mầm đã rang chín” mà Phật nói là chỉ cho ai mà nói vậy? Bạn nhận thức thế nào?

Trọng điểm thứ sáu: “Đối với các bậc sư tôn nên tưởng như Thế Tôn”. Bạn nên làm thế nào để đối đãi với thầy? Xin cúng dường tham khảo: Đối với thầy thì nên đối đãi như là Phật vậy, hết lòng cung kính; chẳng nghĩ đến các điều xấu khác; muôn cầu đạo Vô thượng, thứ nhất đừng nghi ngờ thầy; thường niệm ân thầy, lúc nào cũng không quên báo ân thầy.

Trọng điểm thứ bảy: Nghi là chướng ngại lớn trên đường tu hành, sự nguy hại của nó cực lớn, bạn có biết căn nguyên của nghi nằm ở đâu không? Nếu bạn là người có tâm nghi nặng thì bạn làm thế nào đối mặt và giải quyết vấn đề này?

Trọng điểm thứ tám: Bạn lý giải câu nói dưới đây như thế nào? Thiện tri thức là cha mẹ các ông, vì dưỡng dục thân Bồ-đề của các ông; là tròng mắt của các ông, khiến các ông nhìn thấy tất cả các con đường thiện ác rõ ràng; là thuyền lớn của các ông, đưa các ông ra khỏi biển khổ sanh tử; là dây cương của các ông, có thể kéo các ông ra khỏi sanh tử.

Tiếp theo tôi bắt đầu giảng phẩm kinh văn thứ 46:

CÀN TU KIÊN TRÌ ĐỆ TỬ THẬP LỤC

Phẩm kinh văn này là phó chúc lưu thông. Phật giảng bộ kinh này sắp viên mãn rồi, đối với tất cả Bồ-tát, đối với tất cả đệ tử phát nguyện thọ trì tu học pháp môn này, ngài ân cần dặn dò.

“Phải siêng tu, giữ vững”, bạn rất cần mẫn tu hành, đây chính là tâm đồng mãnh. Đồng mãnh không khó, khó ở chỗ giữ vững được dài lâu, đồng mãnh dài lâu, siêng tu giữ vững. Nghe được kinh pháp, biết được con đường, hiểu rõ đạo lý rồi. Tôn chỉ cũng rõ ràng rồi thì phải nghiêm túc tu hành, giữ vững, không bị hết thầy làm dao động. Có một số người gặp chút khó khăn thì cho rằng tôi tu bao nhiêu năm mà sao chẳng hề linh. Điều đáng sợ hơn hết là “viên đạn bọc đường”, cuộc sống được cải thiện, công việc nhiều hơn, bận đến lo không xuể, trong đầu chứa nhiều việc, ít Phật pháp, đây đều là bị hoàn cảnh xoay chuyển.

Mời xem kinh văn bên dưới:

Phật cáo Di-lặc: “Chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp, thập lục vô úy, vô ngại vô trước, thậm thâm chi pháp, cập ba-la-mật đẳng Bồ-tát chi pháp, phi dị khả ngộ. Năng thuyết pháp nhân, diệt nan khai thị. Kiên cố thâm tín, thời

diệc nan tao. Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn, nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán, phó chúc nhữ đẳng, tác đại thủ hộ”.

Phật bảo ngài Di-lặc: “Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. chẳng dễ gặp được. Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị. Hãy tin sâu kiên cố, vì cũng khó gặp được thời cơ này. Ta nay như lý tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn, được hết thấy chư Phật khen ngợi này, phó chúc cho các ông thực hiện sự thủ hộ lớn lao”.

Sáu câu đầu của đoạn kinh văn này hết sức quan trọng:

“Phật bảo ngài Di-lặc: Pháp vô thượng của chư Phật Như Lai như: thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm, cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.”.

Trong những câu kinh văn này, Phật đã ba lượt tán thán pháp môn niệm Phật thành Phật.

Lần tán thán thứ nhất, *“pháp vô thượng của chư Phật Như Lai”.*

Trì danh niệm Phật rốt cuộc là pháp môn như thế nào? Chẳng phải là pháp của một mình Thích-ca Mâu-ni Phật, cũng chẳng phải là pháp của riêng A-di-đà Phật, mà là pháp vô thượng của chư Phật Như Lai. Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời chỉ để nói bốn nguyện hải của đức Di-đà”. Đại sư không nói phóng đại, từ trong lời văn của câu này tìm được căn cứ rằng: pháp vô thượng là không có pháp nào khác có thể vượt hơn, nên gọi là “vô thượng”. Đại sư Đàm Loan nói: “Cùng tận lý, thấu tốt tánh”, hiểu rõ cùng tận bản tánh của lý, đều hiểu rõ rồi, đều thấu tỏ rồi, không có cái nào ở trên cái này nữa, nên gọi là “vô thượng”. Bồ-tát Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận nói: “Thế nên biết rằng không có pháp nào hơn được Niết-bàn”. Niết-bàn có ba đức: pháp thân đức, bát-nhã đức, giải thoát đức.

Lần tán thán thứ hai, *“thập lực, vô úy, pháp vô ngại, vô trước thậm thâm”.*

“Thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước” là pháp như thế nào vậy? Tổ sư đại đức phán giáo gọi đây là pháp Nhất thừa. Duy chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa mới có thể xứng với “thập lực, vô úy, vô ngại, vô trước”.

Thập lực là mười loại lực dụng của Phật, cái sau cùng là “lậu tận trí lực”, “lậu tận thông”. Trí tuệ và sức mạnh này “đối với tất cả vọng hoặc, tập khí thì vĩnh viễn đoạn dứt, chẳng còn sanh khởi”. Chẳng những hoặc không sanh nữa, mà đã đoạn dứt kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc đều không sanh khởi nữa, tập khí cũng không sanh nữa. Có thể đoạn tập khí thì chỉ có Phật. Như tôn giả Kiều-phạm-ba-đề trong đời quá khứ là trâu, đời này ăn cơm vẫn còn thói quen nhai lại. Có thể đoạn hết tất cả vọng hoặc, tập khí, vĩnh viễn đoạn dứt, chẳng còn sanh khởi, có thể biết được như thật, chẳng còn thọ thân sau nữa, đây là lực dụng thứ mười.

“Vô úy” chỉ cho Phật thuyết nhất thiết trí vô sở úy, nói bốn loại vô sở úy như: lậu tận vô sở úy v.v.

“Vô ngại” ví như ánh sáng của hai ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn này và ánh sáng của ngọn đèn kia, đôi bên dung nhiếp, hòa nhập vào nhau, trọn khắp cả căn phòng, ánh sáng dung thông thành một thể, đây chính là “vô ngại”. Phật pháp vô ngại, thông đạt tự tại.

“Vô trước” là không có chấp trước. Nắm chặt không buông thì chính là “chấp”; “trước” chính là dính mắc không thoát ra, dính vào đó. Nắm lấy giống như con khỉ nhảy tới nhảy lui trên cây, tay này vừa buông, tay kia bèn nắm lấy. Dính chặt giống như con bướm ngài bị dính vào mạng nhện, chẳng thể thoát ra được, đây chính là “trước”. Chấp trước chính là nghĩa như vậy. Vậy Phật pháp thì sao? “Hoa sen không thấm nước, nhật nguyệt không đứng yên trên không”, không dính mắc, chẳng trụ vào đâu. Nhật nguyệt không dừng lại trên không trung, nếu dừng lại thì sẽ rơi xuống. Học vật lý thì sẽ hiểu được, nếu không có chuyển động tròn thì không thể tiếp tục theo quỹ đạo mà tiến tới. Nhật nguyệt chuyển động trên không mà không dừng ở trên không, vận hành không ngừng nghỉ, quang minh chiếu khắp. Hoa sen không thấm nước, hoa sen chẳng những mọc từ bùn nhơ, mà còn mọc lên từ nước, nhưng lại không thấm nước, sau đó nở ra đóa sen thù thắng viên mãn vạn đức. Đây chính là “vô trước”.

Lần tán thán thứ ba, “*cùng với pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.*”

Tất cả pháp mà Như Lai nói là pháp thậm thâm. Tâm Kinh nói: “Khi thực hành pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa”, đây chẳng phải là ba-la-mật mà Tiểu thừa có thể hiểu được, mà là bát-nhã sâu xa. Pháp này là Đại thừa trong Đại thừa, Nhất thừa trong Nhất thừa. “*Là pháp thậm thâm*”, chẳng những sâu, mà còn rất

sâu. “Pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v.”, Bồ-tát tu lục độ, lục độ ba-la-mật. Lục độ bao gồm vạn hạnh. Ý nghĩa của ba-la-mật là “đến bờ kia”. Chúng ta luân chuyển không ngừng trong sanh tử, đây là bờ bên này. Muốn đến bờ bên kia, chẳng những bản thân vượt qua, mà muốn tất cả chúng sanh đều vượt qua thì đó là Bồ-tát. Pháp của Bồ-tát “*chẳng dễ gặp được*”, chẳng phải dễ dàng là có thể gặp được. Xác thật là như vậy, rất khó rất khó.

“Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị”

Đây là thật. “Người có thể thuyết pháp” là chỉ cho pháp sư giảng kinh thuyết pháp. Họ giảng kinh khác thì dễ, pháp thông thường thì dễ khai thị, giảng kinh này thì chẳng dễ dàng. Pháp này là pháp thâm thâm của Như Lai, đây là pháp của Bồ-tát như: ba-la-mật v.v. là pháp có thể sang bờ bên kia, chẳng phải ngôn ngữ văn tự có thể biểu đạt được. Có người có thể nghiên cứu, hiểu được một chút đạo lý thì cho là như vậy, đó hoàn toàn chẳng phải như vậy. Nhưng trước hết vẫn phải là hiểu rồi mới nói, phải từ đây mà đi. Tuy nhiên cái này không phải là hiểu. Ví dụ muốn đi đâu thì trước hết xem bản đồ, tìm được nơi muốn đi đến trên bản đồ rồi, nhưng chẳng phải là bạn đã đến nơi.

“Hãy tin sâu kiên cố, vì khó gặp được thời cơ này”

Cho nên chúng ta phải tin sâu nguyện thiết, không phải tin hời hợt. Tín đồ Phật giáo hiện nay, mười người thì hết chín người mê tín, hoặc tin hời hợt. Ví dụ, đem quan niệm của ngoại đạo xem thành Phật pháp mà chính mình không hay biết, nói ra thì hết sức hùng hồn. Ví dụ, “nếu tôi không cung kính Phật thì Phật sẽ nổi giận”, Phật mà còn nổi giận, “Phật sẽ trách móc, trách phạt tôi”, đây là hạ thấp Phật xuống thành thần. Vì vậy, bạn có thể sanh ra lòng tin sâu vững chắc, khi đó cũng chẳng dễ. Như “rùa mù gặp bông cây nổi”, con rùa mù ở trong biển mênh mông, chạm vào một khúc cây có lỗ bông, vừa hay đầu của nó chui qua đúng lỗ bông đó, ngoi lên hít thở không khí. Việc này ví với việc chúng ta nghe được Phật pháp rồi tu hành, gặp được cơ hội khó có được này, bạn nắm chặt lấy, có thể tu hành, có thể giữ vững thì rất không dễ dàng. Vậy nên phải tưởng “như rùa mù gặp bông cây nổi”, vì khó gặp được thời cơ này.

“Ta nay như lý tuyên nói”

Tuyên nói không khó, như lý mới khó. Lý là lý thể, là chân như. Theo lý thể mà nói thì chính là theo chân như mà nói, chính là như như mà nói. Kinh Kim Cang nói: “Thế nào là vì người diễn nói? Như như bất động”. Như như, bạn nói “như như” này, là như cái như nào vậy? Người có thể thuyết pháp cũng khó khai thị, vì không đạt được cảnh giới “như như”. Phật chính là “như như bất động” mà nói. Chẳng phải là tâm này của ta không động thì là “như”, mà không hề lìa khỏi “như như”, đều ở trong “như như”. Nói cũng được, không nói cũng được, cầm hoa cũng được, rửa chân cũng được, đều là như như. Khi Phật rửa chân thì cũng đều đang nói pháp vô thượng.

“Tuyên nói pháp môn vi diệu, rộng lớn như vậy”

Đây là lời kết của kinh Vô Lượng Thọ, đương nhiên những gì Phật nói ra đều là vô lượng pháp môn vi diệu, rộng lớn. Nếu nói theo pháp hội kỳ này, thì chuyên chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ là pháp môn vi diệu, rộng lớn. Vì sao nói là vi diệu, rộng lớn? Bởi vì pháp môn này trọn đủ vạn đức, độ khắp các căn cơ. Danh hiệu này là vạn đức trang nghiêm, trên từ đại Bồ-tát, dưới đến chúng sanh địa ngục, ngũ nghịch thập ác đều có thể vãng sanh. Cánh cửa này không ai mà không vào được, thế nên gọi là pháp môn rộng lớn. Vì sao gọi là vi diệu? Bởi vì bạn niệm Phật thì thiện căn phước đức sẽ nhanh đồng với chư Phật, hoàn toàn thâm nhiếp trọn công đức của Phật thành công đức của chính mình, đây chẳng phải là vi diệu sao? Nhanh đồng với chư Phật, thần diệu khó nghĩ bàn, nên gọi là vi diệu. Pháp môn này được tất cả chư Phật xưng tán.

Trong kinh A-di-đà, các đức Phật ấy đều xưng tán A-di-đà Phật, cũng xưng tán Thích-ca Mâu-ni Phật có thể làm được việc rất khó khăn hiếm có. Thích-ca Mâu-ni Phật có thể làm ra sự việc hiếm có, vô cùng vô cùng khó khăn. Có thể ở thế giới Ta-bà, nơi cõi nước này là ngũ trược ác thế, cái gì cũng là trược, trong thế giới xấu ác với kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, mà ngài nói cho các chúng sanh pháp khó tin trong hết thủy thế gian. Chúng sanh ở cõi này cứng cõi hơn cõi trời, còn có trí tuệ, chịu dùng trí tuệ để đoạn dục, cho nên Phật có thể đến nói pháp khó tin. Vào lúc này, ở nơi này còn có chúng sanh nghe pháp, được độ, đây là việc rất khó khăn hiếm có, cho nên mười phương Phật đều xưng tán.

Chúng ta lại thấy tên của kinh A-di-đà là kinh Phật Thuyết A-di-đà và kinh Vô Lượng Thọ là một bộ kinh, gọi là đại kinh, tiểu kinh, đại bản, tiểu bản. Kinh Phật

Thuyết A-di-đà vốn được gọi là kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm. Tên gọi đã nói rất rõ ràng vấn đề, người trí nhìn tựa đề kinh bèn biết được toàn bộ ý nghĩa. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn có công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm, hộ trì, tán thán. Do đây, Thế Tôn dặn dò ngài Di-lặc và đại chúng dự hội phải thực hiện sự thủ hộ lớn lao, ý nghĩa này tốt đẹp biết bao. Pháp môn này vượt hơn các pháp môn, bộ kinh này vượt hơn tất cả kinh điển, là hiếm có đệ nhất. Phật nói: “Nương theo pháp môn này mà tu hành thì là đệ tử số một của Ta”. Thủ hộ pháp môn này thì phải tận tâm hơn so với sự thủ hộ hàng đầu, vượt hơn thường tình thì mới gọi là “lớn lao”. Bạn có đồng ý làm ra sự thủ hộ lớn lao đối với kinh Vô Lượng Thọ hay không?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!